TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 - 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Quỳnh
2. Bà Lò Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn C

Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường Th, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Tạm trú: Tổ dân phố X, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị N

Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường Th, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai đề ngày 27/4/2023, quá trình giải quyết ông C và bà N cùng thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 01/12/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, tình cảm lạnh nhạt, ngột ngạt, hiện đang sống ly thân nên vợ chồng đã thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Tuy nhiên, quá trình hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án bà N có nguyện vọng đoàn tụ, không đồng ý ly hôn, lý do bà N vẫn còn tình cảm với ông C. Nhưng ông C vẫn kiên quyết ly hôn, đề nghị chuyển vụ việc sang thủ tục tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, ban đầu bà N đề nghị Tòa án kéo dài thời gian giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, bà N có đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải, xin vắng mặt tại các buổi làm việc tiếp theo và tại phiên tòa xét xử vụ án. Bà N đề nghị Tòa án giải quyết cho bà N, ông C được ly hôn theo quy định của pháp luật vì cho đến nay đã suy nghĩ kỹ và đồng ý ly hôn với ông C. Ông C cũng có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn có nơi cư trú tại phường Th, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Ban đầu ông C bà N nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, sau khi hòa giải viên tiến hành hòa giải bà N không đồng ý ly hôn, ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do đó, Hòa giải viên đã lập biên bản chấm dứt việc hòa giải. Tòa án đã thông báo chuyển vụ việc sang thủ tục tố tụng, xác định lại tư cách tố tụng của các đương sự và thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 195/BLTTDS.

- Về việc vắng mặt đương sự: Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 44 ngày 18/4/2023 của UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn cùng lời khai của các đương sự, có cơ sở xác định: Bà N và ông C có đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 01/12/2022 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết nguyên đơn khai do vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, ngột ngạt. Bị đơn cho rằng do vợ chồng không tin tưởng nhau. Tuy nhiên, cả hai đều thừa nhận cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, và hiện đang sống ly thân và thuận tình ly hôn. Như vậy, có căn cứ để xác định: Ông C, bà N hiện đã sống ly thân, vợ chồng không còn tình cảm.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất không có.

[4] Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy: Ông C và bà N thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về các vấn đề con chung, tài sản chung và nợ, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ. Do đó, căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn của ông C và bà N.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông Trần Văn C và bà Phạm Thị N.

1. Về hôn nhân: Ông Trần Văn C và bà Phạm Thị N thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có.

4. Về án phí: Ông Trần Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002227 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (Ông C đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Th, TP ĐBP;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ